

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NĐ
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2023/DS-ST

Ngày: 18 - 9 - 2023

V/v tranh chấp nghĩa vụ trả nợ

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NĐ, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Mạnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Xuân Vinh

2. Bà Nguyễn Nhanh Khánh Phú

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Nhân Tài - Thư ký Tòa án nhân dân huyện NĐ, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện NĐ, tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia phiên tòa:

Ông Nguyễn Minh Thuận - Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện NĐ, tỉnh Thừa Thiên Huế xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 02/2023/TLST-DS ngày 05 tháng 5 năm 2023 về việc: Tranh chấp nghĩa vụ trả nợ theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 619/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 9 năm 2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Phan Văn D, sinh năm: 1977.

Nơi thường trú: Phường TL, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế, có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Hữu C, sinh năm: 1966.

Nơi thường trú: TDP 2, thị trấn KT, huyện NĐ, tỉnh Thừa Thiên Huế, có mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Bà Nguyễn Thị Kim H, sinh năm 1976; Nơi thường trú: Phường TL, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế, vắng mặt.

- Bà Nguyễn Thị Mỹ T, sinh năm 1972; Nơi thường trú: TDP 2, thị trấn KT, huyện NĐ, tỉnh Thừa Thiên Huế, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 18 tháng 11 năm 2022, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn ông Phan Văn D trình bày:*

Vợ ông là bà Nguyễn Thị Kim H là em gái ruột của bà Nguyễn Thị Mỹ T (vợ ông Nguyễn Hữu C). Ngày 28/4/2019 ông Nguyễn Hữu C và con trai ông C đến nhà vợ chồng ông để xin nhận nợ thay cho bà Nguyễn Thị Mỹ T số tiền 140.000.000 đồng, mục đích là để bà H không yêu cầu bà T phải bồi thường để được giảm nhẹ hình phạt, giảm án phí và để lại nhà cho các cháu ở nên vợ chồng ông đã đồng ý. Sau khi viết giấy nhận nợ, ông C nói “hiện tại gia đình anh đang gặp khó khăn và hứa hàng tháng sẽ trả cho vợ chồng em 3.000.000 đồng, anh không chạy vợ chồng em đâu”. Do ông C không trả tiền theo giấy nhận nợ mà ông viết nên vợ chồng ông D đã nhiều lần đến nhà và gọi điện nhưng ông C hèn lẩn tránh đến lần khác nhưng vẫn không trả tiền nên ông D yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Văn C có nghĩa vụ trả cho vợ chồng ông số tiền là 197.120.000 đồng, trong đó tiền gốc là: 140.000.000 đồng, tiền lãi từ ngày 08/8/2018 đến ngày 18/11/2022 là: 57.120.000 đồng (lãi suất một tháng 0,8%, tương đương 1.120.000 đồng/tháng). Trong quá trình giải quyết vụ án, ông D thay đổi yêu cầu buộc ông Nguyễn Hữu C có nghĩa vụ trả cho vợ chồng ông số tiền là 120.000.000 đồng; đồng thời ông D rút yêu cầu tính lãi đối với khoản nợ trên.

** Theo các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn ông Nguyễn Hữu C trình bày:*

Ông thừa nhận giấy nhận nợ đề ngày 28/4/2019 do ông viết để nhận nợ thay cho vợ ông là bà Nguyễn Thị Mỹ T, nhưng ông hoàn toàn không biết bà T có nhận của bà H 140.000.000 đồng, chỉ có nghe bà H nói là bà H sẽ đứng ra trả nợ cho bà P số tiền nêu trên nên ông mới viết giấy nhận nợ này để tại phiên tòa bà H không yêu cầu bà T phải bồi thường. Số tiền này do chị em bà H và bà T làm ăn với nhau trong một vụ án lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Sau khi có bản án của Tòa án thì ông mới biết, vợ ông thực tế nhận từ bà H số tiền là 120.000.000 đồng, chứ không phải là 140.000.000 đồng như bà H nói ông viết vào giấy nhận nợ. Nguồn gốc của số tiền đang tranh chấp là việc làm ăn trước đây giữa hai chị em bà T và bà H, giữa ông với ông D hoàn toàn không biết. Theo Bản án hình sự sơ thẩm số 22/2019/HS-ST, ngày 17/5/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế, bà H chỉ trả lại cho bà P số tiền 97.000.000 đồng chứ không phải 140.000.000 đồng. Do đó, việc vợ chồng bà H nói ông viết giấy nhận nợ 140.000.000 đồng và có đơn khởi kiện ông là không đúng thực tế. Nếu vợ ông là bà T đồng ý trả nợ thì chỉ trả nợ cho vợ chồng ông D, bà H số tiền 97.000.000 đồng. Ông C cho rằng mình không biết việc làm ăn của bà T và bà H trước đây nên ông không có trách nhiệm phải trả số tiền theo như giấy nhận nợ ông viết.

Tại phiên tòa, ông C đồng ý sẽ có trách nhiệm trả cho nguyên đơn số tiền là 120.000.000 đồng với điều kiện cần làm rõ trách nhiệm của bà H đối với số tiền 20.000.000 đồng trong số tiền 140.000.000 đồng bà H nhận từ bà Nguyễn Thị P, chỉ giao cho bà T số tiền 120.000.000 đồng.

- Theo các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Kim H trình bày:

Vào khoảng tháng 6 năm 2017, bà với bà Nguyễn Thị P là hàng xóm nên chị P hỏi bà có quen biết ai để nhờ xin việc cho con trai là Nguyễn Xuân Thủy làm việc tại bệnh viện lao phổi tỉnh Thừa Thiên Huế, thì bà nói có bà chị ruột làm giáo

viên ở huyện ND quen biết nhiều người để hỏi giúp. Sau đó bà điện thoại cho chị gái là bà Nguyễn Thị Mỹ T và bà T đã đồng ý. Vào ngày 26/6/2017 bà P đã đưa cho bà số tiền là 140.000.0000 đồng và một bằng photo Trung cấp nghề của cháu Thủy, đến chiều cùng ngày bà đến khu nhà trọ của bà T, địa chỉ số 23/35 Ngự Bình, phường An Cựu, thành phố Huế giao cho bà T số tiền là 120.000.000 đồng và 01 bản photo Bằng Trung cấp nghề; còn 20.000.000 đồng bà giữ lại vì bà T nợ tiền bà trước đây. Sau khi nhận số tiền trên bà T không xin được việc như đã hứa. Đến thời hạn cam kết nhưng cháu Thủy chưa có quyết định đi làm nên bà đã đi vay Ngân hàng số tiền 140.000.000 đồng để trả tiền cho bà P và giữa hai bên có viết giấy giao nhận tiền đề ngày 19/10/2018. Sau đó, bà T đã bị khởi tố và bắt tạm giam, đến ngày 28/4/2019 ông C và cháu Thắng đến nhà vợ chồng bà xin viết giấy nhận nợ thay cho bà T, mục đích để tại phiên tòa xét xử vụ án không yêu cầu bà T phải bồi thường số tiền là 120.000.000 đồng để giảm hình phạt, giảm án phí, để lại nhà cho các cháu ở. Nhưng từ đó đến nay vợ chồng bà đã nhiều lần đòi tiền nhưng ông C không trả nên vợ chồng bà khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Hữu C phải trả tiền theo nội dung giấy nhận nợ là 140.000.000 đồng và tiền lãi từ ngày 08/8/2018 đến ngày 18/11/2022 là: 57.120.000 đồng (lãi suất một tháng 0,8%, tương đương 1.120.000 đồng/tháng). Sau đó vợ chồng bà thống nhất thay đổi nội dung yêu cầu khởi kiện, buộc ông Nguyễn Hữu C phải trả cho vợ chồng bà số tiền là 120.000.000 đồng; đồng thời rút yêu cầu tính lãi đối với khoản nợ trên.

- Theo các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Mỹ T trình bày:

Bà hoàn toàn không biết bà P là ai, bà chỉ nhận của bà H số tiền 120.000.000 đồng, việc giao nhận tiền tại cổng nhà trọ của bà tại 23/35 Ngự Bình, phường An Cựu, thành phố Huế. Sau đó bà có viết giấy nhận của bà H 120.000.000 đồng trên xe máy ngoài cổng khu trọ và rút ra 2.000.000 đồng cho bà H, do không có giấy tờ nên bà không có ý kiến nữa. Việc bà H nói bà nợ của bà H 20.000.000 đồng là không đúng. Đối với vụ việc này, trước đây bà có nói ông Phú - Điều tra viên của Công an tỉnh Thừa Thiên Huế, bà chỉ có nhận của chị H 120.000.000 đồng và số tiền 20.000.000 đồng còn lại bà hoàn toàn không biết, bà chỉ chịu trách nhiệm cho số tiền 120.000.000 đồng và ông Phú có nói “chị muốn hai chị em cùng đi tù à”. Việc ông C viết giấy nhận nợ thay cho bà 140.000.000 đồng thì bà hoàn toàn không biết, bà không biết bà H đã nói gì để ông C viết giấy nhận nợ thay cho bà số tiền 140.000.000 đồng; nếu bà biết thì bà không cho ông C viết giấy nhận nợ này. Đối với số tiền này cần phải làm rõ và bà cũng không đồng ý với nội dung yêu cầu khởi kiện của vợ chồng ông D. Thực tế bà có nhận của bà H 120.000.000 đồng; bà có nỗi oan, bà phải đi tù và gánh trách nhiệm cho bà H. Nếu vợ chồng ông D yêu cầu ông C trả nợ đó là việc của ông C, do ông C tự ý nhận thay bà để trả nợ.

* Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện ND, tỉnh Thừa Thiên Huế phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Áp dụng khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, Điều 244, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 370, Điều 280, Điều 351 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phan Văn D, buộc bị đơn ông Nguyễn Hữu C trách nhiệm trả nợ cho vợ chồng ông D, bà H số tiền là 120.000.000 đồng; Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phan Văn D đối với yêu cầu tính lãi số tiền nợ; Về án phí: Do nguyên đơn được chấp nhận yêu cầu khởi kiện nên không phải chịu án phí; buộc bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn ông Phan Văn D khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Hữu C thực hiện nghĩa vụ trả nợ nên quan hệ tranh chấp được xác định là “Tranh chấp nghĩa vụ trả nợ”. Đồng thời bị đơn có nơi thường trú tại tổ dân phố 2, thị trấn Khe Tre, huyện ND, tỉnh Thừa Thiên Huế. Căn cứ vào khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện ND, tỉnh Thừa Thiên Huế.

[2] Về thủ tục tố tụng: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Kim H có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt do bận công việc. Tuy nhiên, bà H đã có lời khai trong hồ sơ vụ án nên việc vắng mặt của bà không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt bà H theo quy định của pháp luật.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Đối với yêu cầu của nguyên đơn: Do bà Nguyễn Thị Mỹ T (vợ ông Nguyễn Hữu C) là bị cáo trong vụ án “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” nên ngày 28/4/2019 ông C và con trai ông đến nhà vợ chồng ông Phan Văn D và bà Nguyễn Thị Kim H (bà H là em gái ruột của bà T) xin nhận trả nợ thay cho bà Nguyễn Thị Mỹ T. Ông C đã viết giấy nhận nợ số tiền là 140.000.000 đồng, đây là tình tiết, sự kiện được các đương sự thừa nhận nên không phải chứng minh theo quy định tại khoản 1 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự. Xét thấy, mặc dù số tiền này liên quan đến vụ án “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” mà bà T là người phải chịu trách nhiệm bồi thường cho vợ chồng ông D, bà H. Tuy nhiên, đến ngày 28/4/2019 bị đơn đã đứng ra nhận thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay cho bà Nguyễn Thị Mỹ T và được vợ chồng nguyên đơn đồng ý. Do đó, bị đơn trở thành người có nghĩa vụ theo quy định tại Điều 370 của Bộ luật dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án, qua đối chiếu với các tài liệu chứng cứ vợ chồng nguyên đơn thống nhất thay đổi yêu cầu khởi kiện, buộc ông Nguyễn Hữu C phải trả cho vợ chồng ông D, bà H số tiền là 120.000.000

đồng; đồng thời rút yêu cầu tính lãi đối với khoản nợ trên. Đối với yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở theo quy định tại Điều 280, Điều 351 của Bộ luật dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.2] Đối với yêu cầu của bị đơn ông Nguyễn Hữu C tại phiên tòa, ông C đồng ý trả cho vợ chồng nguyên đơn số tiền là 120.000.000 đồng với điều kiện cần làm rõ trách nhiệm của bà H đối với số tiền 20.000.000 đồng trong số tiền 140.000.000 đồng bà H nhận từ bà Nguyễn Thị P, chỉ giao cho bà T số tiền 120.000.000 đồng. Hội đồng xét xử nhận thấy, nội dung yêu cầu của ông C liên quan đến vụ án khác đã được làm rõ và giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3.3] Đối với việc rút một phần và thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đây là quyền tự định đoạt của đương sự, không trái quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án là 120.000.000 đồng x 5% = 6.000.000 đồng; nguyên đơn không phải chịu án phí.

[5] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án này theo quy định của pháp luật.

Đối với quan điểm giải quyết vụ án của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện ND có căn cứ pháp luật nên cần được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 244, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điều 370, Điều 280, Điều 351 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự;

Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phan Văn D.

- Buộc bị đơn ông Nguyễn Hữu C có trách nhiệm trả cho vợ chồng ông Phan Văn D, bà Nguyễn Thị Kim H số tiền là 120.000.000 đồng (Một trăm hai mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

- Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phan Văn D đối với yêu cầu tính lãi số tiền nợ.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc bị đơn ông Nguyễn Hữu C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng).

- Nguyên đơn ông Phan Văn D không phải chịu án phí. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn đã nộp là 4.928.000 đồng (Bốn triệu chín trăm hai mươi tám nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0002666 ngày 05/5/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện NĐ, tỉnh Thừa Thiên Huế.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn ông Phan Văn D, bị đơn ông Nguyễn Hữu C và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Mỹ T có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Kim H vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- VKSND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- VKSND huyện NĐ;
- Chi cục THADS huyện NĐ;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Mạnh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Nhàn Khánh Phú Phạm Xuân Vinh

Nguyễn Văn Mạnh

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- VKSND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- VKSND huyện NĐ;
- Chi cục THADS huyện NĐ;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Văn Mạnh

